

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HSST

Ngày: 25 - 11 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Mai Văn Đảm

2. Bà Quách Thị Tình

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Xuân Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 74/2021/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Văn N; Tên gọi khác: Không ; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 16/9/1990, tại xã TB, huyện T, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn BL, xã TB, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Bố: Bùi Ngọc V; Mẹ: Bùi Thị C; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị can bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 18/9/2021 cho đến nay. Hiện bị can đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**\*Những người tham gia tố tụng:**

*Người bị hại :* Bà Lê Thị P - SN 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn LP2, xã TV, T, tỉnh Thanh Hóa.

*Người làm chứng:*

1. Bà Lê Thị Khanh – Sinh năm 1957(có mặt)

Địa chỉ: Khu 1, xã TB, huyện T, Thanh Hóa.

2. Bà Lê Thị Ly – Sinh năm 1967(vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn QT, xã TV, huyện Thạch, Thanh

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 18/9/2021, Bùi Văn N (SN 1990, trú tại thôn BL, xã TB, huyện T) đi bộ một mình đến khu 1, xã TB, huyện T với mục đích tìm sơ hở của người dân để trộm cắp tài sản. Đến 15 giờ cùng ngày, Nam đi bộ đến khu vực nhà ở của bà Lê Thị Khanh (sinh năm 1957 trú tại khu 1, xã TB, huyện T) thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA airblade, màu sơn vàng – đen – bạc, biển số 36E1-043.65 của bà Lê Thị P (SN 1971 trú tại thôn LP2, xã TV, T) đang dựng ở mép sân nhà bà K không có người trông coi, chìa khóa xe mô tô vẫn cắm ở ổ khóa điện nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô này. Thực hiện ý đồ của mình, Bùi Văn N ngồi lên xe, nổ máy và điều khiển xe mô tô nêu trên bỏ chạy theo hướng xã TT, huyện T với mục đích để tiêu thụ, lấy tiền tiêu sài cá nhân. Bà Phụng đang ở trong nhà bà Khanh nhìn ra sân thì thấy Nam lấy xe của mình bỏ chạy nên hô hoán truy đuổi nhưng không kịp. Đến 20 giờ cùng ngày, do nhận thấy hành vi sai trái của bản thân, Bùi Văn N đến Công an xã TB, huyện T để đầu thú và giao nộp chiếc xe nêu trên cho cơ quan Công an phục vụ điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 23/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Airblade, màu sơn vàng – đen – bạc, biển số 36E1- 043.65 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 12.000.000 đồng.

Xác minh về nhân thân, tài sản, thu nhập của bị can xác định Bùi Văn N là đối tượng nghiện ma túy, không có công ăn việc làm và thu nhập ổn định. Bùi Văn N hiện nay sống chung với bố, mẹ, không có tài sản chung và tài sản riêng gì có giá trị.

**Về vật chứng vụ án:** Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Airblade, màu sơn vàng – đen – bạc, biển kiểm soát 36E1-043.65.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe này là tài sản hợp pháp của bà Lê Thị P. Sau khi tiến hành định giá tài sản, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe nêu trên cho chủ sở hữu, bà Phụng đã nhận được xe cùng tài sản trong cốp xe và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác.

Tại bản cáo trạng số 77/Ctr-VKS-TT, ngày 23/09/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Bùi Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS).

**\*Phản tranh tụng tại phiên tòa:**

-Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS để xử phạt Bùi Văn N mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không xem xét.

Vật chứng: Đã trả lại tài sản cho người bị hại nên đề nghị không xem xét

Xác minh thu nhập bị cáo không có tài sản gì giá trị đề nghị không phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

-Tại phiên tòa: Bị cáo Bùi Văn N thừa nhận hành vi như cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân mô tả và truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và không có ý kiến tranh luận gì; Người làm chứng thống nhất với lời khai của bị cáo và cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Tại phần tranh luận tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận vào khoảng khoảng 12 giờ ngày 18/9/2021 tại khu vực nhà ở của bà Lê Thị Khanh , sinh năm 1957 trú tại khu 1, xã TB, huyện T bị cáo Bùi Văn N đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36E1-043.65 của của bà Lê Thị P (SN 1971 trú tại thôn LP2, xã TV, T) đang dựng ở mép sân nhà bà K không có người trông coi qua giám định có giá trị 12.000.000đ(mười hai triệu). Do đó có đủ cơ sở xác định bị cáo đã có hành vi vi phạm vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án trộm cắp tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do Bùi Văn N thực hiện. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được

pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và khắc phục hậu quả, được quy định tại điểm b,s,i khoản 1,2 Điều 51 BLHS và sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ được chấp nhận theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội. Tuy nhiên bị cáo không có nghề nghiệp gì là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp để phục vụ cho mục đích sử dụng ma túy vì vậy hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm, để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật, cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[7] Về hình phạt tiền bổ sung: Qua xác minh bị cáo không có tài sản, thu nhập, nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b,s,i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; BLHS của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bùi Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 18/09/2021.

Áp dụng: Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Điều 136 của BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQĐT CA huyện T;
- CQTHAHS CA huyện T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Quân**